

## “ĐÁNH GIÁ NHƯ HỌC TẬP” (ASSESSMENT AS LEARNING): CẤU TRÚC VÀ GỢI Ý MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Huyền<sup>1,+</sup>,  
Đặng Thanh Thúy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

<sup>2</sup>Sinh viên lớp Địa lí K54, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

+Tác giả liên hệ • Email: huyennt@tnue.edu.vn

### Article history

Received: 11/02/2023

Accepted: 11/4/2023

Published: 20/5/2023

### Keywords

Assessment approach,  
assessment as learning,  
formative assessment,  
feedback

### ABSTRACT

Currently, there are various assessment approaches applied to teaching. Each assessment approach being applied in teaching practice brings different results. With the aim of helping students find the most suitable learning method for themselves and recognize their strengths and weaknesses, an Assessment as Learning approach is proposed. This research study is based on qualitative research methods and aims to achieve two main goals: Firstly, clarifying the roles of teachers and learners in the evaluative view of assessment as learning; Secondly, presenting the four-domain structure of this assessment approach, which facilitates teachers to understand the process and organize assessment activities to develop students' self-assessment and self-evaluation skills, as well as peer-assessment capacity.

### 1. Mở đầu

Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, lượng tri thức tăng lên không ngừng. Tuy nhiên, thời lượng học ở nhà trường lại không thay đổi. Do vậy, nhiệm vụ của các trường học là tạo ra những con người có khả năng thích ứng với những thay đổi của thời cuộc và biết cách tự học để làm chủ cuộc sống. Chính vì vậy mà Black và cộng sự (2006) đã đưa ra khái niệm “học tập suốt đời” (lifelong learning) để chỉ một xu hướng cũng như một cách thức để con người có thể tự mình làm chủ trong cuộc sống thường xuyên thay đổi.

Trong dạy học hiện nay, để HS có thể “học tập suốt đời”, việc sử dụng các phương pháp dạy học mang tính tích cực được áp dụng nhằm tạo điều kiện cho HS có thể chủ động, tích cực trong việc học. Bên cạnh đó, đánh giá trong học tập cũng được chú trọng và giữ vai trò quan trọng không kém phương pháp dạy học trong việc giúp người học có thể biết học cách học để hướng tới “học tập suốt đời”. Hiện nay, có 3 quan điểm đánh giá được chấp nhận rộng rãi, đó là: (1) Đánh giá kết quả học tập (Assessment of Learning); (2) Đánh giá vì học tập (Assessment for Learning) và (3) Đánh giá như học tập (ĐGNHT - Assessment as Learning). Chúng phản ánh 3 trọng tâm khác nhau của các quan niệm đánh giá. Đánh giá kết quả học tập thiên vào đánh giá tổng kết, còn đánh giá vì học tập và ĐGNHT nhấn mạnh vào đánh giá quá trình trong việc hỗ trợ việc học. Điều khiến quan điểm đánh giá như dạy học khác với quan điểm đánh giá vì học tập đó là đặt sự quan tâm đặc biệt đến vai trò của người học và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học trong khi đánh giá vì học tập nhấn mạnh hơn vào vai trò của GV trong việc thúc đẩy học tập (Berry, 2013).

Dann (2002) đã chỉ rõ khái niệm ĐGNHT không đơn thuần là một công cụ hỗ trợ việc dạy và học mà còn đưa ra một quy trình mà qua đó, sự tham gia của HS vào đánh giá có thể trở thành một phần của việc học, đó chính là đánh giá để học tập. Để người học có thể làm chủ việc học của mình trong quá trình học tập thì việc đưa đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá vào việc học là một điều tất yếu, điều này có khả năng nâng cao năng lực siêu nhận thức của người học (Berry, 2011). Tuy nhiên, thực tế chỉ ra rằng việc đánh giá trong các lớp học vẫn tỏ ra kém hiệu quả rất nhiều trong việc thúc đẩy các loại kết quả học tập cần thiết cho HS ở thời điểm hiện tại và tương lai (Gardner, 2006).

Với quan điểm ĐGNHT được đề xuất để HS có thể tự nhìn nhận và đánh giá quá trình học tập của bản thân để tự điều chỉnh cho phù hợp. ĐGNHT diễn ra thường xuyên trong quá trình dạy học (đánh giá quá trình), trong đó GV tổ chức để HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, coi đó như là một hoạt động học tập để HS thấy được sự tiến bộ của chính mình so với yêu cầu cần đạt của bài học/môn học, từ đó HS tự điều chỉnh việc học. Trong thực tế dạy học hiện nay ở nước ta, quan điểm đánh giá này đã được áp dụng vào trong dạy học, tuy nhiên nhiều GV và HS còn ngỡ ngàng khi chuyển đổi vai trò và chức năng trong quá trình đánh giá.

Với những ưu thế mà quan điểm ĐGNHT mang lại cho người học và cả người dạy, nghiên cứu này tập trung làm rõ vai trò của quan điểm ĐGNHT với hai đối tượng chính là GV và HS, đồng thời chỉ ra cấu trúc của ĐGNHT theo

quan điểm của Berry và những hình thức, phương pháp, công cụ có thể sử dụng khi đánh giá người học theo quan điểm đánh giá này.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của giáo viên và học sinh trong quan điểm đánh giá như học tập

Việc hiểu rõ và chính xác vai trò của người dạy cũng như người học trong việc tiến hành quá trình kiểm tra, đánh giá theo quan điểm ĐGNHT sẽ giúp các đối tượng tham gia vào quá trình đánh giá biết chính xác các công việc mình nên làm và cần thiết phải làm.

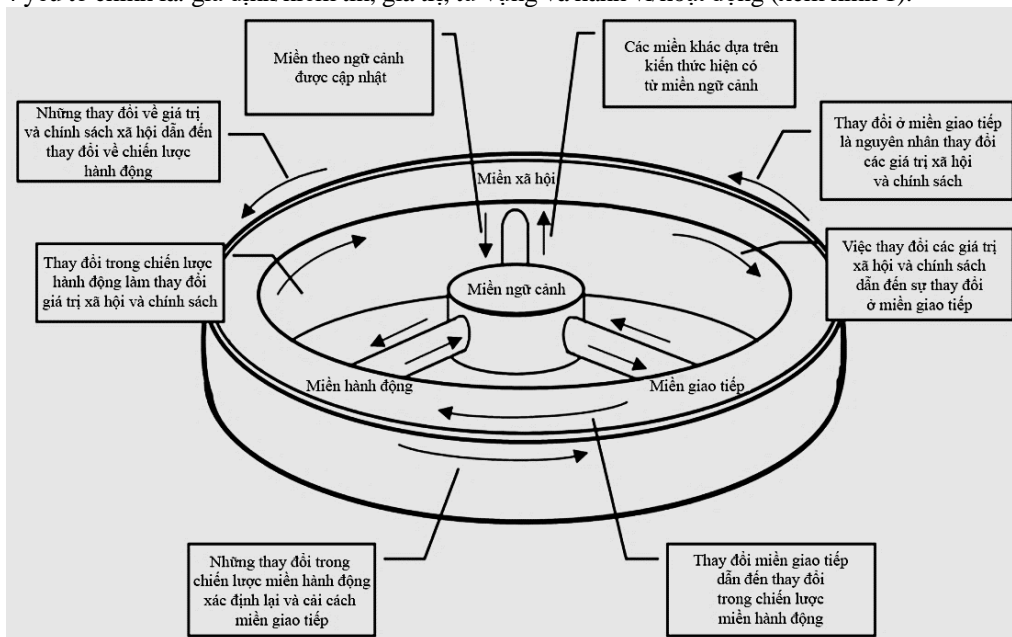
- Đối với GV trong việc ĐGNHT, họ có thể: + Làm mẫu và dạy các kỹ năng tự đánh giá cho HS; + Hướng dẫn HS thiết lập mục tiêu của riêng mình và tự theo dõi sự tiến bộ của bản thân; + Cung cấp các ví dụ, mô hình thực hành và chất lượng công việc phản ánh kết quả chương trình học; + Làm việc với HS để phát triển các tiêu chí rõ ràng về thực hành tốt; + Hướng dẫn HS phát triển phản hồi nội bộ hoặc cơ chế tự giám sát để xác nhận và đặt câu hỏi về suy nghĩ của chính người học; + Cung cấp các cơ hội thường xuyên và đầy thách thức để thực hành, để HS có thể trở thành người có năng lực tự đánh giá; + Theo dõi các quá trình siêu nhận thức của HS như việc học của các em và cung cấp phản hồi mang tính mô tả; + Tạo môi trường an toàn cho HS để nắm bắt cơ hội đánh giá và tự đánh giá cũng như hỗ trợ khi cần thiết.

- Đối với HS, đối tượng giữ vai trò chủ đạo trong quá trình đánh giá theo quan điểm ĐGNHT thì: + HS tự giám sát hoặc theo dõi quá trình học tập của mình; + Tự so sánh, đánh giá kết quả học tập của mình theo những tiêu chí do GV cung cấp. Kết quả đánh giá này không được ghi vào học bạ mà chỉ có vai trò như một nguồn thông tin phản hồi để người học tự ý thức khả năng học tập của mình đang ở mức độ nào, từ đó thiết lập mục tiêu học tập cá nhân và lên kế hoạch học tập tiếp theo.

ĐGNHT nhấn mạnh vai trò của HS, không chỉ là người đóng góp vào việc đánh giá và quá trình học tập mà còn là kết nối quan trọng giữa việc học và kết quả học tập. Vì vậy, HS là cầu nối giữa dạy và học. Theo quan điểm ĐGNHT thì HS là người năng động, gắn bó và người đánh giá quan trọng, HS hiểu được thông tin, liên hệ nó với kiến thức và cân nhắc các chiến lược và kỹ năng liên quan đến việc sử dụng chúng để cải thiện việc học tập. Qua đó, HS tự phân tích, tự tham khảo, tự đánh giá và tự sửa sai trong quá trình học tập. Những chiến lược này và các chiến lược siêu nhận thức khác giúp người học nâng cao nhận thức về những gì họ đang làm để họ có thể lập kế hoạch đạt được sự tiến bộ trong học tập (Berry, 2011). Vai trò của HS cũng có thể bao gồm tìm ra những gì GV mong đợi ở họ và làm tốt nó (Brookhart, 2001).

### 2.2. Cấu trúc của đánh giá như học tập

Berry (2013) đã dựa trên những nghiên cứu của Weaver và Farrell (1997) để đưa ra mô hình cấu trúc ĐGNHT dựa trên 4 yếu tố chính là: giá định/niềm tin, giá trị, từ vựng và hành vi/hoạt động (xem hình 1).



Hình 1. Cấu trúc cơ bản của khung ĐGNHT (Berry, 2013)

“Miền ngữ cảnh” (Contextual Domain) là một khái niệm rộng rãi có thể gồm bối cảnh chính trị, văn hoá và xã hội. Chúng là những yếu tố có ảnh hưởng nhất định việc phát triển và thực hiện chính sách trong các cơ sở giáo dục. Trong quan điểm ĐGNHT miền ngữ cảnh đại diện cho các giả định và niềm tin của chính phủ, thường được thể hiện rõ ràng trong các tài liệu chính thức và do đó trở thành các chính sách để chỉ đạo và chi phối các hoạt động được thiết kế bởi các nhà chính sách làm việc trong các lĩnh vực giáo dục khác nhau. Miền ngữ cảnh là cốt lõi của khung. Thông tin được lưu trữ trong ngữ cảnh được 3 miền khác truy xuất để cân nhắc, tương tác và phân phối các hành động. Đến lượt mình, miền ngữ cảnh lại thu hút quan sát từ các lĩnh vực xã hội, truyền thông và hành động để cập nhật thông tin được lưu trữ bên trong chính nó, hoạt động như một kho lưu trữ động. Trong miền ngữ cảnh của khung ĐGNHT, một tình huống giả định mong muốn rằng các chính sách của chính phủ gắn liền với sự phát triển của chính sách “Học cách học” trong HS, với tầm nhìn về việc biến đánh giá thành một tác nhân để kích hoạt động học tập của HS. Miền này sẽ nhấn mạnh vào việc coi đánh giá như một quá trình siêu nhận thức cho HS. Chính sách đánh giá sẽ xoay quanh việc học lấy HS làm trung tâm.

Thuật ngữ “Miền xã hội” (Social Domain) được chọn để thừa nhận ảnh hưởng mà xã hội có thể gây ra đối với chính sách giáo dục. Miền này mô tả các giá trị, bao gồm cả giá trị được chia sẻ nhận thức và mong đợi của một hoặc nhiều nhóm người trong xã hội. Cho dù có phù hợp với tầm nhìn được quy định trong các chính sách của chính phủ hay không, những nhận thức này do đó sẽ chi phối các quyết định của các bên liên quan và các hành động cần thực hiện trong truyền đạt các chỉ thị của chính phủ. Trong khung ĐGNHT ở khía cạnh xã hội, người ta muốn thấy xã hội đó coi đánh giá là công cụ giúp phát huy tiềm năng và khả năng xử lý với những thử thách trong cuộc sống. Ví dụ, đối với nhóm người sử dụng lao động sẽ nhận thức rõ hơn về thực tế của người lao động, đó là điểm và các con số hiển thị trên các tài liệu đủ điều kiện chỉ có thể mô tả một số phẩm chất của người lao động. Cha mẹ sẽ hiểu rằng đánh giá không phải là chỉ đơn giản là một công cụ để đo lường thành tích và khả năng của con cái họ hoặc kiểm tra lợi tức đầu tư tài chính và tình cảm của họ, mà còn là một công cụ để giúp con cái họ phát triển các kỹ năng siêu nhận thức cho tương lai của chúng. Các bậc phụ huynh sẽ nhận ra rằng việc đánh giá là cả trách nhiệm của GV và HS với sự nhấn mạnh vào phần sau và do đó giúp ích cho tâm lý và chuẩn bị tinh thần cho con cái của họ để đáp ứng với việc tự đánh giá trong khi đứa trẻ đang được cha mẹ chăm sóc. Tương tự như vậy, GV phải coi việc đánh giá không chỉ là trách nhiệm của họ mà còn là trách nhiệm của HS. Như vậy, đánh giá đòi hỏi GV không chỉ cho phép mà còn khuyến khích và tạo điều kiện cho HS tham gia giám sát và phê bình công việc và tiến độ của chính bản thân, qua đó thay đổi việc học tập của chính HS. GV sẽ thấy vai trò của mình trong việc đánh giá là người hướng dẫn, ví dụ như giúp HS hiểu các tiêu chí để đánh giá bản thân, tự phản ánh hiệu suất của người học và đưa ra quyết định có học thức về những gì cần làm tiếp theo trong việc nâng cao hiệu suất học tập của HS. HS sẽ nhận ra rằng đánh giá thủ tục là cơ hội để các em phát triển khả năng học tập. HS sẽ học được điều đó qua đánh giá - một công cụ giúp HS giám sát việc học và hiểu những gì cần học. Với thông tin được cập nhật, HS sẽ hướng tới nỗ lực cải thiện công việc của học tập của chính bản thân mình. HS sẽ thừa nhận tầm quan trọng của đánh giá quá trình trong quá trình học tập và điều này sẽ giúp các em học được cách học một cách hiệu quả nhất.

“Miền giao tiếp” (Communication Domain) được sử dụng cho chức năng tự giải thích của nó - biểu hiện và đàm phán xã hội. Miền giao tiếp của khung ĐGNHT muốn xem mức độ ngày càng đồng thuận của xã hội về chức năng của đánh giá trong việc kích hoạt học tập của HS. Đánh giá được truyền đạt giữa các bên khác nhau như một công cụ mà HS và GV có thể sử dụng để tăng cường học tập và phát triển ở HS khả năng siêu nhận thức. Cả GV và HS đều có thể tham gia vào việc đánh giá quá trình học tập. GV là chỗ dựa cho HS trong quá trình học tập, hướng dẫn, giúp đỡ các em hình thành tâm lý đúng đắn để học. Thông qua các loại đối thoại giữa GV và HS, người học sẽ được giúp đỡ để hiểu rõ bản chất của các công việc cần làm trong quá trình đánh giá. HS được cho cơ hội để thiết lập khả năng kiểm tra tiến độ của họ so với các tiêu chuẩn và có kế hoạch cải tiến khi chưa đạt tiêu chuẩn.

Trong “Miền hành động” (Action Domain), khi áp dụng vào việc giảng dạy hàng ngày, GV có thể sử dụng nhiều khía cạnh và các loại đánh giá khác nhau để cung cấp cho HS các loại kinh nghiệm học tập khác nhau. GV lựa chọn, phát triển hoặc điều chỉnh phương pháp đánh giá để sử dụng dựa trên nhu cầu học tập của HS và các phong cách học tập khác nhau của người học. GV cung cấp cơ hội tự đánh giá cho HS và giúp người học phát triển tốt công tác tự đánh giá. GV có thể thử sử dụng các nhiệm vụ nhỏ để có thể đưa ra phản hồi kịp thời. Phản hồi không chính thức hoặc chính thức cần được sử dụng và nên mang tính xây dựng nhằm mục đích ghi nhận thành tích của HS, đồng thời giúp HS hiểu được những gì đã đạt được và làm thế nào để tiến bộ hơn. Thông qua các cuộc đối thoại hoặc các hình thức giao tiếp bằng văn bản, GV giúp HS xác định các loại chiến lược hữu ích cho học tập. Đối với người học, quá trình học tập sẽ yêu cầu HS tham gia nhiều hơn và qua đó HS sẽ hình thành được kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

### 2.3. Các mục tiêu hướng tới của từng miền trong quan điểm đánh giá như học tập

Mỗi miền trong khung ĐGNHT đều hướng tới các mục tiêu cụ thể khác nhau, việc hiểu rõ từng mục tiêu này sẽ giúp những người thực thi đi đúng mục đích mà quan điểm ĐGNHT hướng tới. Theo Berry (2013), mỗi miền sẽ hướng tới các mục tiêu sau:

- *Miền ngữ cảnh:* Gắn với các chính sách về giáo dục của Nhà nước, với các chiến lược trong dạy học của ngành Giáo dục, cụ thể như sau: - Các chính sách trong giáo dục phải thúc đẩy HS “học cách học”, biến quá trình đánh giá thành nhân tố thúc đẩy quá trình học tập; - Bộ GD-ĐT cần cung cấp các khoá đào tạo, bồi dưỡng về việc đánh giá người học cho GV; - Trong quá trình đánh giá HS, GV cần thấm nhuần tư tưởng đánh giá để HS tự mình tìm ra cách học sao cho phù hợp nhất với bản thân; - Các chính sách đánh giá cần nhấn mạnh đến việc phát triển khả năng siêu nhận thức ở HS. Điều này sẽ giúp quá trình đánh giá không chú trọng vào trách nhiệm giải trình mà chú ý tới cái HS có thể hiểu và sử dụng; - Các chính sách về đánh giá cần khuyến khích sự hợp tác giữa HS và GV trong quá trình đánh giá, điều này sẽ giúp HS không chỉ hoạt động tích cực hơn mà còn khiến HS có trách nhiệm hơn với việc học cũng như việc đánh giá của mình.

- *Miền xã hội:* Chỉ rõ quan điểm của các nhóm người như GV, HS, phụ huynh và cả những người sử dụng lao động.

- Quan điểm của xã hội về đánh giá: Coi đánh giá là công cụ giúp HS phát huy tiềm năng, năng lực để đương đầu với những thử thách trong cuộc sống.

- Quan điểm của GV về đánh giá: + GV cần coi đánh giá như là một nhân tố thúc đẩy quá trình học tập của HS bên cạnh chức năng ghi nhận thành tích trong học tập của người học; + Với quan điểm ĐGNHT, GV cần nhìn nhận chính xác việc đánh giá học tập là trách nhiệm chung của cả người dạy và người học; + Trong quá trình đánh giá, khi GV đánh giá HS cần xem đó là một cuộc đối thoại giữa HS và GV liên quan đến việc học của HS; + Với quan điểm ĐGNHT, GV cần thấy được vai trò của mình trong đánh giá là người hướng dẫn, giúp đỡ HS trong học tập.

- Quan điểm của HS về đánh giá: + Người học cần xem đánh giá là cơ hội để chịu trách nhiệm trong học tập của bản thân và hành động tích cực trong học tập; + HS chỉ nên quan niệm GV là người hỗ trợ việc học của mình nhưng hiểu hỗ trợ sẽ giảm dần theo thời gian; + Trong quan điểm ĐGNHT, đánh giá chính là công cụ giúp giám sát việc học của HS và qua đó người học hiểu bản thân đang ở giai đoạn học tập nào. Với những thông tin được cập nhật, HS sẽ hướng nỗ lực vào việc cải thiện công việc của mình.

- Quan điểm của phụ huynh về đánh giá: + Xem đánh giá bên cạnh nhiều chức năng khác, như một công cụ để giúp con cái họ phát triển các kỹ năng siêu nhận thức cho tương lai của con mình; + Coi đánh giá vừa là trách nhiệm của GV vừa là trách nhiệm của HS, với sự nhấn mạnh vào người học.

- Quan điểm của các nhà tuyển dụng: Cần hiểu rằng kết quả đánh giá thể hiện trên văn bằng, chứng chỉ chỉ thể hiện một phần năng lực của nhân viên được tuyển dụng.

- *Miền truyền thông/giao tiếp:* giải thích cho xã hội hiểu rõ các chức năng của ĐGNHT hướng tới.

- Việc học như: một quá trình cho phép HS kiểm soát quá trình học tập của bản thân. HS có thể đặt mục tiêu học tập của riêng mình, kiểm tra tiến bộ so với các tiêu chuẩn và lập kế hoạch để cải thiện khi tiêu chuẩn chưa được đáp ứng.

- Đánh giá như: một công cụ thông qua đó HS và GV có thể sử dụng để tăng cường học tập và phát triển khả năng siêu nhận thức của HS. Cả GV và HS đều có thể tham gia vào việc đánh giá và quá trình học tập.

- GV là: người hỗ trợ trong quá trình học tập và đánh giá, hướng dẫn, giúp đỡ HS hình thành tâm lí, thái độ đúng đắn, giúp người học hình thành kỹ năng tìm hiểu và đánh giá.

- HS với tư cách là: những người tham gia tích cực trong quá trình đánh giá và người quản lí việc học của chính mình. HS có thể tự thiết lập mục tiêu học tập và lựa chọn các chiến lược hữu ích cho người học trong quá trình học tập. HS biết cách tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng và hiểu mục đích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

- *Miền hành động:*

- Đối với GV: Đánh giá là cơ hội học tập, như: + GV có thể sử dụng nhiều khía cạnh và nhiều loại hình đánh giá để cung cấp cho HS với các loại trải nghiệm học tập khác nhau; + GV được lựa chọn, phát triển hoặc điều chỉnh các phương pháp đánh giá dựa trên năng lực của HS và nhu cầu học tập khác nhau của người học; + GV chủ động tạo cơ hội tự đánh giá cho HS và giúp đỡ HS phát triển tốt công tác tự đánh giá; + Ngoài ra, đối với GV, đánh giá còn giúp cho việc phản hồi và hỗ trợ HS diễn ra có hiệu quả, ví dụ như sử dụng các nhiệm vụ nhỏ trong học tập để đưa ra phản hồi về hiệu suất công việc cho HS có thể dưới dạng chính thức hoặc không chính thức. Đưa ra phản hồi mang



tính trợ giúp để HS hiểu được những gì HS làm được và thông qua trao đổi giúp HS tự xây dựng được kế hoạch học tập có hiệu quả. Qua đó, ghi nhận thành tích đạt được của HS.

- Đối với HS: Tham gia vào đánh giá giúp phát triển khả năng tự tham gia vào việc tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, ví dụ: + Người học có thể hiểu các tiêu chuẩn khác nhau bao gồm các tiêu chuẩn theo yêu cầu của GV, tìm hiểu được đâu là những tiêu chuẩn cao hơn đòi hỏi cần phải đạt được; + Người học biết cách thiết lập mục tiêu riêng cho các nhiệm vụ; + Người học biết lựa chọn các chiến lược được cho là phù hợp để giải quyết bài tập; + Người học biết cách ghi chép toàn bộ tiến độ, ghi chú các vấn đề phát sinh và đề ra được cách giải quyết; + Người học biết cách viết phản ánh bản thân; + Người học biết cách viết đánh giá đồng đẳng; + Người học biết cách chuẩn bị các câu hỏi dựa trên đánh giá của bản thân, bạn học và người dạy trước khi trao đổi; + Người học biết cách giao tiếp với GV trực tiếp hoặc thông qua phản ánh của bản thân sau khi hoàn thành bài tập; + Người học biết cách điều chỉnh chiến lược học tập một cách hợp lý; + Bên cạnh đó, tham gia vào việc đánh giá là cơ hội giúp người học phát triển được bản thân thông qua việc nắm bắt cơ hội để rèn luyện kỹ năng tự học, tìm hiểu về cách đặt mục tiêu học tập phù hợp với bản thân hoặc báo cáo về tiến độ đạt được của bản thân so với các mục tiêu đã định, tham gia làm việc nhóm và đánh giá đồng đẳng.

#### **2.4. Gợi ý một số phương pháp và công cụ đánh giá khi áp dụng quan điểm đánh giá như học tập**

Khi áp dụng quan điểm ĐGNHT vào trong thực tế, người dạy cần hiểu rõ các hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá có thể sử dụng được trong quá trình dạy học. Việc sử dụng đúng và chính xác các phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá sẽ góp phần hình thành cho HS năng lực đánh giá và tự đánh giá.

Trước khi tìm hiểu về phương pháp và công cụ đánh giá thì người sử dụng cần phải biết rằng trong dạy học cần đánh giá quá trình liên tục vì đây là điều kiện để HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Đánh giá quá trình là hình thức đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học, cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập. Đánh giá quá trình đề cập đến việc thường xuyên đánh giá và có sự tương tác trong đánh giá về sự phát triển và hiểu biết của HS để nhận ra nhu cầu của họ và qua đó điều chỉnh việc giảng dạy một cách phù hợp (Alahmadi et al., 2019). Theo Glazer (2014), đánh giá quá trình thường được định nghĩa là các nhiệm vụ cho phép HS nhận được phản hồi về hiệu suất trong suốt khóa học. Trong lớp học, GV sử dụng đánh giá như một công cụ chẩn đoán khi kết thúc bài học hoặc kết thúc bài học. Ngoài ra, GV có thể sử dụng các đánh giá để giảng dạy bằng cách xác định quan niệm sai lầm của người học và sửa chữa lỗ hổng trong học tập thông qua phản hồi có ý nghĩa (Dixson & Worrell, 2016). Có thể nhận ra rằng, khi đánh giá quá trình HS được phản hồi và phản hồi liên tục, điều này sẽ giúp HS tiến bộ hơn khi biết học cách học qua những nhận xét, góp ý và tự điều chỉnh của bản thân. Bên cạnh đó, khi đánh giá quá trình cũng cần tăng cường cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, việc này sẽ giúp quan điểm ĐGNHT diễn ra có ý nghĩa.

- Về phương pháp đánh giá: Có nhiều phương pháp đánh giá có thể sử dụng khi áp dụng quan điểm ĐGNHT, sau đây là gợi ý về một số phương pháp đánh giá mà GV có thể áp dụng:

+ Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập: Đánh giá qua hồ sơ là theo dõi, trao đổi những ghi chép, lưu giữ của chính HS về những gì các em đã nói, đã làm, ý thức, thái độ của HS với quá trình học tập của mình cũng như với mọi người... Qua đó, giúp HS thấy được những tiến bộ của mình và GV thấy được khả năng của từng HS, từ đó GV sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp hoạt động dạy học và giáo dục.

+ Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập: Đây là phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS khi những kết quả ấy được thể hiện bằng cách sản phẩm như bức vẽ, bản đồ, đồ thị, đồ vật, sáng tác, chế tạo, lắp ráp... Như vậy, sản phẩm là các bài làm hoàn chỉnh, được HS thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả.

- Về công cụ đánh giá: Tương tự như phương pháp đánh giá, có nhiều công cụ đánh giá GV có thể sử dụng khi áp dụng quan điểm ĐGNHT vào thực tiễn, sau đây là gợi ý về một số công cụ mà GV có thể sử dụng:

+ Bảng kiểm: Là những yêu cầu cần đánh giá thông qua trả lời câu hỏi có hoặc không. Bảng kiểm thuận lợi cho việc ghi lại các bằng chứng về sự tiến bộ của HS trong một mục tiêu học tập nhất định. Đặc biệt thông qua công cụ này, người học có thể tự đánh giá mức độ đạt được và chưa đạt được của mình và của bạn so với yêu cầu đặt ra. Thông qua đó, người học có thể tự điều chỉnh hoặc bổ sung những thao tác, kỹ năng, nội dung còn thiếu và hạn chế của mình.

+ Phiếu đánh giá theo tiêu chí: Là một tập hợp các tiêu chí được cụ thể hóa bằng các chỉ báo, chỉ số, các biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo đếm được. Các tiêu chí này thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sử dụng để đánh giá và thông báo về sản phẩm, năng lực thực hiện hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ của người học.

Dạng công cụ này thường dùng để đánh giá sản phẩm học tập của HS, giúp người học có thể tự đánh giá sản phẩm học tập của mình và đánh giá sản phẩm của người khác.

+ Hồ sơ học tập: Là bộ sưu tập có hệ thống các hoạt động học tập của HS trong thời gian liên tục như: các bài tập, bài kiểm tra, bài thực hành, băng video, ảnh,... Chúng có thể được sử dụng như là bằng chứng về quá trình học tập và sự tiến bộ, giúp GV và HS đánh giá sự phát triển và trưởng thành của người học. Thông qua hồ sơ học tập, HS hình thành ý thức sở hữu hồ sơ học tập của bản thân, từ đó biết được bản thân tiến bộ đến đâu, cần hoàn thiện ở mặt nào.

### 3. Kết luận

Đối với quá trình kiểm tra, đánh giá hiện nay ở nước ta, việc tập cho người học quen với việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng là một việc cần làm hằng ngày và thường xuyên. Việc áp dụng quan điểm ĐGNHT vào thực tế sẽ có tác dụng rất lớn đối với HS trong việc định hướng các hoạt động học tập ở các giai đoạn tiếp theo, đồng thời GV, phụ huynh HS và các lực lượng xã hội sẽ biết được mức độ, trình độ cũng như năng lực của HS. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu 4 miền trong cấu trúc của ĐGNHT sẽ giúp người dạy hiểu rõ vai trò của mình khi hướng dẫn HS đánh giá và tự đánh giá. Với giới hạn nghiên cứu, bài báo mới chỉ đề xuất một số phương pháp và công cụ có thể áp dụng trong đánh giá theo quan điểm ĐGNHT chứ chưa tập trung vào việc phân tích các kỹ thuật sử dụng và đưa ra ví dụ vận dụng. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng đã cung cấp những luận cứ vững chắc cho GV khi sử dụng quan điểm ĐGNHT vào trong thực tế dạy học phổ thông hiện nay ở nước ta.

### Tài liệu tham khảo

- Alahmadi, N., Alrahaili, M., & Alshraideh, D. (2019). The Impact of the Formative Assessment in Speaking Test on Saudi Students' Performance. *Arab World English Journal*, 10(1). <https://doi.org/10.2139/ssrn.3367580>
- Berry, R. (2011). Assessment Reforms Around the World. In Berry, R., & Adamson, B. (Eds.), *Assessment Reform in Education: Policy and Practice* (pp. 89-102). Springer. [https://doi.org/10.1007/978-94-007-0729-0\\_7](https://doi.org/10.1007/978-94-007-0729-0_7)
- Berry, R. (2013). The assessment as learning (AaL) framework for teaching and learning: The AaL wheel. *Assessment and Learning*, 2, 51-70.
- Black, P., McCormick, R., James, M., & Pedder, D. (2006). Learning How to Learn and Assessment for Learning: A theoretical inquiry. *Research Papers in Education*, 21(2), 119-132. <https://doi.org/10.1080/02671520600615612>
- Brookhart, S. M. (2001). Successful students' formative and summative uses of assessment information. *Assessment in Education: Principles, Policy & Practice*, 8(2), 153-169. <https://doi.org/10.1080/09695940123775>
- Dann, R. (2002). *Promoting assessment as learning: Improving the learning process*. London: Routledge/Falmer.
- Dixon, D. D., & Worrell, F. C. (2016). Formative and Summative Assessment in the Classroom. *Theory Into Practice*, 55(2), 153-159. <https://doi.org/10.1080/00405841.2016.1148989>
- Gardner, J. (2006). *Assessment and Learning*. SAGE.
- Glazer, N. (2014). Formative plus Summative Assessment in Large Undergraduate Courses: Why Both? *International Journal of Teaching and Learning in Higher Education*, 26(2), 276-286.
- Weaver, R. G., & Farrell, J. D. (1997). *Managers as Facilitators: A Practical Guide to Getting Work Done in a Changing Workplace*. Berrett-Koehler Publishers.